Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Phòng Thanh tra, khảo thí & ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: HỌC PHẦN: HOÁ LÝ -TC2504

Lần thi:1 Học kỳ 2 Năm học 2017-2018 - Nhip 4

Túi thi: 1

TT	*Mã SV*	*Họ và tên*	*Ngày sinh*	*Lớp*	*Điểm*		*TBCMH*		*Điểm chữ*	*Ghi chú*
					QT	*Thi*	*Số*	*Chữ*		
1	1351090037	Vũ Đình Tốt	15/09/1995	2013VL	7	5.5	5.8	Năm, tám	C	
2	1351090039	Bùi Anh Tuấn	29/01/1995	2013VL	7	6.5	6.6	Sáu, sáu	C	
3	1551090027	Hoàng Văn Tuyển	17/05/1997	2015VL	7.5	5.0	5.5	Năm, năm	C	
4	1251090046	Tạ Duy Tùng	14/06/1994	2012VL	2	0.0	0.4	Không, bốn	F	
5	1551090044	Tạ Thành Trung	18/08/1997	2017VL	7	1.0	2.2	Hai, hai	F	
6	1451090049	Đặng Xuân Vân	04/09/1993	2014VL	9	6.0	6.6	Sáu, sáu	C	
7	1451090050	Nguyễn Xuân Viên	30/05/1995	2014VL	7.5	6.0	6.3	Sáu, ba	C	
8	1451090001	Lưu Vũ Hoàng Anh	15/05/1996	2016VL	4	6.0	5.6	Năm, sáu	C	
9	1251090003	Nguyễn Tuấn Anh	10/06/1993	2012VL	7.5	4.5	5.1	Năm, một	D	
10	1451090002	Trần Tuấn Anh	29/04/1996	2014VL	7.5	5.5	5.9	Năm, chín	C	
11	1251090007	Lê Tiến Chung	13/09/1993	2012VL	0	0.0	0.0	Không, không	F	K
12	1551090013	Đặng Tiến Đạt	23/10/1997	2017VL	7	7.0	7.0	Bẩy, không	B	
13	1251090012	Đỗ Viết Đăng	04/09/1994	2012VL	7.5	5.5	5.9	Năm, chín	C	
14	1351090044	Trần Khánh Đông	11/07/1993	2013VL	4	0.0	0.8	Không, tám	F	
15	1551090039	Nguyễn Huy Hoàng	03/11/1997	2017VL	4	0.0	0.8	Không, tám	F	
16	1551090052	Phan Huy Hoàng	16/05/1997	2017VL	6	0.0	1.2	Một, hai	F	
17	1551090054	Lê Công Huấn	05/05/1997	2017VL	7.5	5.5	5.9	Năm, chín	C	
18	1551090051	Trần Văn Huyện	10/03/1997	2015VL	5	2.0	2.6	Hai, sáu	F	
19	1551090049	Nguyễn Hải Hùng	19/12/1997	2015VL	8	4.5	5.2	Năm, hai	D	
20	1551090046	Phạm Thế Hùng	11/11/1997	2015VL	7.5	1.0	2.3	Hai, ba	F	
21	1551090033	Phạm Văn Linh	09/06/1996	2017VL	7	4.5	5.0	Năm, không	D	
22	1551090059	Đỗ Nam	16/07/1997	2017VL	7.5	4.5	5.1	Năm, một	D	
23	1651090020	Trần Đại Nghĩa	17/01/1998	2017VL	7.5	1.0	2.3	Hai, ba	F	
24	1351090026	Đào Anh Quân	18/11/1995	2013VL	10	5.5	6.4	Sáu, bốn	C	
25	1551090024	Lê Hữu Sỹ	01/09/1996	2015VL	7	0.0	1.4	Một, bốn	F	
26	1451090055	Trần Xuân Tâm	27/08/1995	2016VL	8	5.5	6.0	Sáu, không	C	
27	1451090039	Nguyễn Bá Thịnh	11/12/1996	2014VL	8	5.5	6.0	Sáu, không	C	
28	1351090035	Cao Quang Tiến	14/04/1995	2013VL	7	4.0	4.6	Bốn, sáu	D	

Ghi chú: F (0.0-3.9); D (4.0-5.4); C (5.5-6.9); B(7.0-8.4); A (8.5-10)

Hà Nội , ngày 22 tháng 8 năm 2018

Phòng Thanh tra, khảo thí & ĐBCL
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

CÁN BỘ CHẤM THI 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2
(Ký, ghi rõ họ tên)